

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PLEIKU  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2017/HSST  
Ngày 10 tháng 7 năm 2017

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Thanh Quảng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Xuân Dệt
2. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

***-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P.

***-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tấn Hùng, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 59/2017/HSST ngày 16 tháng 5 năm 2017, đối với bị cáo:

**Th T**, sinh ngày 05-02-1992, tại Gia Lai; trú tại: Tổ 16, phường HT, thành phố P, tỉnh GL; nghề Ngh: Không; trình độ văn hóa: Lớp 5/12; con ông Th H, sinh năm 1964 và bà Trần Thị Ch, sinh năm 1964; tiền sự: Không; tiền án: 1 lần. Tại Bản án số 04/2010/HSST ngày 14-01-2010 của Tòa án nhân dân huyện CS, tỉnh Gia Lai xử phạt 12 tháng tù về tội “Sử dụng trái phép chất độc”. Bị cáo chưa thi hành khoản tiền án phí của bản án, nên chưa Đ1 xóa án tích.

Bị cáo bị bắt ngày 17-02-2017. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ, Công an thành phố P. Có mặt.

Những người tham gia tố tụng:

*Người bị hại:*

1. Ông Lê Văn Đ1, sinh năm 1952; Địa chỉ: số 11 đường PĐ, phường PĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.
2. Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ 12, phường HL, thành phố P, tỉnh Gia Lai.
3. Ông Dg Văn Ng, sinh năm 1967; Địa chỉ: số 231 đường Cách Mạng Tháng Tám, Tổ 12, phường HL, thành phố P, tỉnh Gia Lai.
4. Anh Võ Đức Nh, sinh năm 1980; Địa chỉ: số 612 đường Nguyễn Viết Xuân, phường HP, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

(Những người bị hại đều vắng mặt).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Duy Th, sinh năm 1961; Địa chỉ: số 15/169 đường Cách Mạng Tháng Tám, Tổ 12, phường HL, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
2. Bà Đặng Thị Việt Ha, sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ 4, phường Trà Bá, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
3. Ông Lê Đ, sinh năm 1975; Địa chỉ: Tổ 13, phường HP, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
4. Ông Thái H, sinh năm 1965; Địa chỉ: Tổ 16, phường HT, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.
5. Ông Đỗ Tuấn H2, sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ 7, phường TN, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
6. Ông Trần Hg, sinh năm 1966; Địa chỉ: 264 Lê Đại Hành, phường ĐĐ, thành phố P, tỉnh GL. Vắng mặt.
7. Bà Lê Thị Bn, sinh năm 1933; Địa chỉ: Tổ 8, phường PĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
8. Anh Trần Minh Vg, sinh năm 1992; Địa chỉ: Tổ 15, phường PĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
9. Chị Tạ Thị Ngọc Dung, sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ 15, phường HP, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
10. Bà Thái Thị Yn, sinh năm 1978; Địa chỉ: Tổ 7, phường HT, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
11. Bà Huỳnh Thị N D, sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ 6, phường PĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
12. Bà Nguyễn Thị K H, sinh năm 1965; Địa chỉ: Tổ 16, phường HT, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
13. Ông Bùi Th L, sinh năm 1961; Địa chỉ: Tổ 2, phường Trà Bá, thành phố P, tỉnh GL. Vắng mặt.
14. Ông Đào V T, sinh năm 1965; Địa chỉ: Tổ 14, phường YT, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
15. Ông Hứa VT, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ 7, phường ĐĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
16. Bà Nguyễn Thị K H, sinh năm 1965; Địa chỉ: Tổ 16, phường HT, thành phố P, tỉnh GL. Vắng mặt.
17. Anh Trần Tr Th, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn K Bang, huyện K Bang, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
18. Ông Đặng X B, sinh năm 1978; Địa chỉ: Tổ 7, phường HL, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
19. Anh Nay Vũ Gi, sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ 16, phường HT, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
20. Anh Thái Dg, sinh ngày 02/6/1997; Địa chỉ: Tổ 16, phường HT, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
21. Anh Lê Tr L, sinh năm 1988; Địa chỉ: Địa chỉ: Tổ 16, phường HT, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

## NHẬN THẤY:

Bị cáo Th T bị Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Do không có tiền tiêu xài nên trong thời gian từ ngày 30-4-2014 đến ngày 06-5-2015, Nay Vũ Gi, Thái Lg, Thái Dg, Th T, Đặng X B, Lê Tr L đã thực hiện các vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố P; cụ thể:

- *Vụ thứ nhất:* Trong thời gian Đặng X B đi vận chuyển và mua bán gỗ, có quen và nghe một người khác nói cho B biết trong nhà của ông Lê Duy Th có 03 tấm gỗ Cẩm nhưng đòi giá cao nên không mua được. Sau đó, B nói lại chuyện này cho Thái Lg và Th T nghe để tìm người mua. Khoảng 21 giờ ngày 30-4-2014, T điện thoại rủ Đặng X B đến nhà ông Th xem thử, nếu có thì lấy trộm đem bán lấy tiền. Nghe vậy, Bình đồng ý và nói T rủ Thái Lg đi trộm cắp, Lg đồng ý. Sau đó, B dùng xe ô tô Đ Nn hiệu Toyota loại 16 chỗ ngồi, biển số 53L-0436 chở T, Lg đi tìm nhà ông Th. Sau khi xác Đh được nhà ông Th, cả ba chạy xe ô tô đến trước cổng Tr THPT P trên đường Tô Vĩnh Diện thì dừng xe để tại đây, rồi cả ba đi bộ đến trước nhà ông Th. Tại đây, Đặng X B, T, Lg mở cổng đi vào bên hông nhà, thấy có 03 tấm gỗ Cẩm, kích thước 0,10m x 0,50m x 3m của ông Lê Văn Đ1 gửi nhờ nhà ông Th. T gọi điện thoại cho Lê Tr L; B gọi điện thoại cho Lê HT cùng đến nhà ông Th để trộm 03 tấm gỗ Cẩm này thì Lg, Ty đồng ý. Thái Lg lấy xe ô tô đi đón Lê Tr L và Lê HT rồi quay lại trước Tr THPT P dừng xe đợi, còn B, Ty, T, Lê Tr L đi bộ đến nhà ông Th lấy trộm 02 tấm gỗ Cẩm khiêng ra cổng nhà ông Th để. T gọi điện cho Thái Lg chạy xe đến, cùng nhau khiêng 02 tấm gỗ Cẩm lên xe ô tô rồi chở về cất giấu tại nhà chị Đặng Thị V H (là chị gái của Đặng X B). Sau đó tất cả đi về ngủ. Sáng ngày 01-5-2014 Thái Lg gọi điện thoại cho ông Lê Đh đến xem gỗ. Ông Đh đồng ý mua với giá 76.000.000 đồng. Sau đó, Thái Lg gọi điện thoại cho B nói B điều khiển xe ô tô chở Ty, Lê Tr L đến nhà chị Đặng Thị V H cùng Thái Lg và T khiêng gỗ lên xe chở đến nhà ông Đh bán lấy tiền, chia nhau mỗi người được 15.000.000 đồng, còn lại 1.000.000 đồng dùng để đổ xăng và dẫn nhau đi ăn uống hết.

Đối với 02 tấm gỗ Cẩm này, sau đó ông Đh đã bán lại cho ông Đào V Tr với giá 80.000.000 đồng. Ngày 19-6-2014, thông qua người quen, ông Th biết được tại nhà ông Tr có 02 tấm gỗ giống với số gỗ mà ông Đ1 gửi ở nhà anh bị mất trộm, nên ông Th vờ làm người mua để đến nhà ông Tr xem gỗ. Tại đây ông Th (sau còn gọi cả ông Đ1 đến), nói cho ông Tr biết đây là gỗ của ông Đ1 gửi tại nhà ông Th và bị mất trộm. Tuy nhiên, do ông Th và ông Đ1 không đưa ra Đ1 hóa đơn chứng từ về 02 tấm gỗ này, nên ông Tr không giao trả mà cam kết giữ lại 02 tấm gỗ trên để Cơ quan điều tra xác minh. Đến tháng 5 năm 2015, do hoàn cảnh khó khăn, lại không thấy cơ quan Công an thu giữ 02 tấm gỗ, nên ông Tr đã bán cho một người ở Kon Tum (không xác định được tên tuổi) với giá 76.000.000 đồng. Do không xác định được người mua, nên không thu hồi được số gỗ trên.

Qua định giá, kết luận: 02 tấm gỗ Cẩm kích thước (1,10 x 0,50 x 3)m có giá trị là 76.000.000 đồng. Quá trình điều tra, chị Nguyễn Thị QL (vợ của Đặng X B) đã bồi thường cho ông Đ1 80.000.000 đồng.

-*Vụ thứ 2:* Khoảng 14 giờ ngày 02-5-2015, Nay Vũ Gi và Thái Lg rủ Th T và Thái Dg đi đến nhà chị Nguyễn Thị KL để trộm cắp gỗ thì T và Dg đồng ý. Sau đó, Gi chở Lg bằng xe mô tô biển số 81H-6290, T chở Dg bằng xe mô tô do T mượn của bạn (không xác định được biển số) đi đến nhà chị KL. Đến nơi, Dg ở ngoài cảnh giới, còn Gi, T, Lg vào nhà chị KL lấy trộm các tài sản gồm: 01 tượng hình ông Đát Ma bằng gỗ Cẩm kích thước (30 x 60)cm; 02 khung gương bằng gỗ Gõ kích thước (1,8 x 2,2)m; 10 cục gỗ Gõ tròn kích thước (10 x 10 x 60)cm; 10 cục gỗ Gõ tròn kích thước (20 x 60)cm; 70 thanh Th L ry gỗ Gõ kích thước (2 x 10 x 60)cm. Ngoài ra, còn lấy 01 góc gỗ Cẩm kích thước (35 x 120)cm và 01 góc gỗ Cẩm kích thước (40 x 80)cm của ông Dương Văn Ngh gửi nhờ nhà chị KL. Tất cả mang số gỗ trên ra để bên ngoài cổng sắt nhà chị KL. Sau đó, Lg và Dg chở nhau đến đường Trường Chinh thuê của một người đàn ông (không xác định được họ tên) một chiếc xe tải chở hàng loại 500kg (không nhớ biển số) rồi chạy đến nhà chị KL chở 01 tượng gỗ Cẩm hình ông Đát Ma, 02 khung gương bằng gỗ Gõ, 02 góc gỗ Cẩm, 20 cục gỗ Gõ, 70 thanh Th L ry gỗ Gõ về cất giấu tại nhà bà Lê Thị Bn (*là bà nội của Lê Tr L*). Sau đó, Gi và Lg gọi điện thoại cho anh Võ V C đến bán cho anh này 2 khung gương bằng gỗ với giá 4.500.000đồng, cùng nhau tiêu xài hết.

Đối với 01 tượng gỗ hình Đát Ma, 01 góc gỗ Cẩm kích thước (35 x 120)cm và 01 góc gỗ Cẩm kích thước (40 x 80)cm, Gi đã cho Nguyễn VT (trú tại Tổ 16, phường HT, thành phố P). Đối với 20 cục gỗ tròn và 70 thanh Th L ry Gi thuê xe ô tô chở đến bán cho anh Hứa MT được 4.000.000 đồng. Số tiền này Gi và Lg chia nhau mỗi người 2.000.000 đồng tiêu xài.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ của anh Hứa MT 20 cục gỗ tròn và 70 thanh Th L ry; chị Huỳnh Thị N D (vợ anh Võ V C) giao nộp 02 khung gương bằng gỗ Gõ; Nguyễn VT giao nộp 01 tượng gỗ hình Đát ma, 01 góc gỗ Cẩm kích thước (35 x 120)cm và 01 góc gỗ Cẩm kích thước (40 x 80)cm.

Qua định giá, kết luận: 01 tượng gỗ Cẩm hình ông Đát Ma có giá trị 7.000.000 đồng; 02 khung gương bằng gỗ Gõ có giá trị 16.000.000 đồng; 02 góc gỗ Cẩm có giá trị 14.500.000 đồng; 20 cục gỗ Gõ tròn có giá trị 2.000.000 đồng và 70 thanh Th L ry gỗ Gõ có giá trị 700.000 đồng.

Sau khi định giá, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị KL 01 tượng hình Đát Ma, 02 khung gương bằng gỗ Gõ, 20 cục gỗ tròn, 70 thanh Th L ry; trả lại cho ông Dương Văn Ngh 01 góc gỗ Cẩm kích thước (35 x 120)cm và 01 góc gỗ Cẩm kích thước (40 x 80)cm.

-*Vụ thứ 3:* Khoảng 18 giờ ngày 02-5-2015, Nay Vũ Gi, Thái Lg, Th T và Thái Dg cùng nhau đi trên xe ô tô 16 chỗ biển số 53N-0663 đến nhà chị Nguyễn Thị KL để tiếp tục trộm gỗ. Số gỗ trộm cắp lần này gồm: 01 tủ thờ gỗ Hương kích thước (1,2 x 1,6 x 0,6)m; 01 bộ đồ thờ gồm có: 01 lư hương, 01 bát hương, 01 đĩa đựng hoa quả, 02 đế cây đèn cầy, 01 lọ hoa; 01 tủ đựng dép bằng gỗ Cà Te kích thước (1 x 1,2 x 0,4)m; 01 tranh khảm trai bằng gỗ kích thước (1,2 x 1,6)m; 01 cục nu gỗ Cẩm kích thước (40 x 50)cm; 01 giường bằng gỗ Bằng Lăng kích thước (1,6 x 1,2)m. Trong số gỗ này, Th T và đồng bọn chất lên ô tô chở về cất giấu tại nhà bà Lê Thị Bn (*bà nội của Thái Lg*) 01 cục nu gỗ Cẩm, 01 tủ dép bằng

gỗ Cà Te; đổi với 01 tủ thờ bằng gỗ Hương, 01 bộ đồ thờ bằng gỗ Cẩm, 01 giường bằng gỗ Bằng Lăng thì Gi chở về cất giấu tại nhà của Gi. Sau đó Gi nhờ bà Nguyễn Thị K H (*là mẹ của Gi*) gọi ông Bùi Th L đến xem để bán, nhưng ông Th L không mua mà gọi cho một người đàn ông tên Thành là người quen biết ngoài đường với ông Th L, người này đồng ý mua. Sau đó, Gi cùng với Lg và Dg chở 01 tủ thờ bằng gỗ Hương, 01 bộ đồ thờ bằng gỗ Cẩm, 01 cái giường gỗ Bằng Lăng đến nhà ông Th L bán cho anh Thành với giá 12.000.000 đồng. Số tiền này Gi, Lg, T và Dg chia nhau mỗi người 3.000.000 đồng. Đối với 01 tủ đựng dép bằng gỗ Cà Te thì T đem về nhà sử dụng; 01 cục nu bằng gỗ Cẩm thì Gi và T chở lên xã Ia Tô, huyện Ia Grai bán cho anh Trần Minh Vg với giá 15.000.000 đồng, Gi lấy 4.000.000 đồng, còn lại 11.000.000 đồng T mang về chia đều cho T, Lg và Dg. Đối với 01 tranh khảm trai, Thái Lg đã cho chị Thái Thị Yn sử dụng.

Do không xác định được lai lịch của người tên Thành, nên không thu hồi được tủ thờ, bộ đồ thờ và chiếc giường. Quá trình điều tra, đã thu giữ của chị Thái Thị Yn 01 tranh khảm Trai; thu giữ của Trần Minh Vg 01 cục nu gỗ Cẩm; ông Thái H (*cha của bị cáo T*) giao nộp 01 tủ đựng dép bằng gỗ Cà Te.

Qua định giá, kết luận: 01 tủ thờ bằng gỗ Hương có giá trị 20.000.000 đồng; 01 bộ đồ thờ bằng gỗ Cẩm có giá trị 7.000.000 đồng; 01 tủ đựng dép bằng gỗ Cà Te có giá trị 3.000.000 đồng; 01 cục nu gỗ Cẩm có giá trị 20.000.000 đồng; 01 tranh khảm Trai có giá trị 12.000.000 đồng; 01 giường bằng gỗ Bằng Lăng có giá trị 5.000.000 đồng. Sau khi định giá, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chị KL 01 tủ đựng dép bằng gỗ Cà Te, 01 tranh khảm Trai và 01 cục nu gỗ Cẩm.

*- Vụ thứ 4:* Khoảng 9 giờ ngày 06-5-2015, Nay Vũ Gi điều khiển xe mô tô 53N-0663 rú Th T đi trộm cắp tài sản. Cả hai đi đến xưởng phun sơn của anh Võ Đ N, thấy cổng xưởng không khóa và không có người trông coi, nên dừng xe lại và đi vào bên trong xưởng lấy trộm các tài sản gồm: 01 mặt bàn bằng gỗ Cẩm có kích thước (0,65 x 1,42 x 0,54)m; 01 mặt bàn vuông bằng gỗ Cẩm có kích thước (0,64 x 0,64 x 0,57)m; 01 mặt bàn tròn làm bằng gỗ Hương kích thước (1,2 x 0,12)m; 2 tấm gỗ Hương mỗi tấm có kích thước (0,1 x 0,7 x 2,4)m chất lên ô tô chở về cất giấu tại nhà bà Lê Thị Bn (*là bà nội của Lê Tr L*). Sau đó, Gi và T chở 02 tấm gỗ Hương đến bán cho ông Trần Hg với giá 15.000.000 đồng, chia đều cho mỗi người được 7.500.000 đồng, tiêu xài. Đối với 02 bàn làm bằng gỗ Cẩm và 01 mặt bàn làm bằng gỗ Hương, Gi và T mang đến bán cho ông Đỗ Tuấn H2 với giá 9.500.000 đồng, rồi chia nhau tiêu xài. Sau khi mua số mặt bàn trên, ông Hải đã bán lại 01 mặt bàn bằng gỗ Hương cho khách hàng, nhưng không xác định được lai lịch, nên không thu giữ được. Quá trình điều tra đã thu giữ của ông Trần Hg 02 tấm gỗ Hương; thu giữ của Đỗ Tuấn H2 01 mặt bàn bằng gỗ Cẩm, 01 mặt bàn vuông bằng gỗ Cẩm.

Qua định giá, kết luận: 01 mặt bàn vuông bằng gỗ Cẩm kích thước (0,64 x 1,42 x 0,54)m có giá trị 13.000.000 đồng; 01 mặt bàn vuông bằng gỗ Cẩm kích thước (0,64 x 0,64 x 0,57)m có giá trị 7.000.000 đồng; 01 mặt bàn tròn bằng gỗ Hương kích thước (1,2 x 0,12)m có giá trị 25.000.000 đồng; 02 tấm gỗ Hương mỗi tấm kích thước (0,1 x 0,7 x 2,4)m có giá trị 24.000.000 đồng. Sau khi định

giá, Cơ quan CSĐT đã trả lại cho anh Võ Đ N 02 tấm gỗ Hương và 02 mặt bàn bằng gỗ Cẩm.

Tại bản Cáo trạng số 69/CT-VKS ngày 15 tháng 5 năm 2017, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố bị cáo Th T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; Điều 33, Điều 53; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt Th T từ 8 năm 6 tháng tù đến 9 năm tù; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xử buộc bị cáo nộp lại tiền thu lợi bất chính để tịch sung quỹ nhà nước; các nội dung khác về xử lý vật chứng, về trách nhiệm bồi thường dân sự, đã được quyết định tại Bản án số 103/2016/HSST ngày 20-7-2016 nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án;

#### **XÉT THẤY:**

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Th T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Theo đó, thể hiện: Thời gian từ ngày 30-4-2014 đến ngày 6-5-2015 bị cáo đã cùng với các đồng phạm khác thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố P, chiếm đoạt của những người bị hại tài sản, gồm: 02 cục gỗ Cẩm, 01 tượng gỗ Cẩm hình ông Đạm Ma, 02 khung gương bằng gỗ Gõ, 20 cục gỗ Gõ tròn, 70 thanh Th L ry gỗ Gõ, 02 góc gỗ Cẩm, 01 tủ thờ gỗ Hương, 01 bộ đồ thờ bằng gỗ Cẩm, 01 tủ đựng dép bằng gỗ Cà Te, 01 tranh gỗ khảm Trai, 01 giường gỗ Bằng Lăng, 01 cục nu gỗ Cẩm, 01 mặt bàn gỗ Cẩm, 01 mặt bàn tròn gỗ Hương và 02 tấm gỗ Hương, có tổng giá trị 252.200.000 đồng.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Th T đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chiếm đoạt tài sản có giá trị 252.200.000 đồng, nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố theo điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về tài sản của công dân, làm mất trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý lo lắng trong nhân dân nên cần xử lý nghiêm.

Đối với Nay Vũ Gi, Thái Lg, Thái Dg, Đặng X B, Lê Tr L, Lê HT, là những người cùng bị cáo thiện các vụ trộm cắp, đã bị Tòa án nhân dân thành phố P xét xử tại Bản án số 103/2016/HSST ngày 20-7-2016. Nên Hội đồng xét xử không đề cập trong bản án này.

*Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Trong vụ án này bị cáo Th T thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội nhiều lần*”; Bị cáo có một tiền án, đã bị xử phạt 12 tháng tù về tội “*Sử dụng trái phép chất độc*” tại Bản án số 04/2010/HSST ngày 14-01-2010 của Tòa án nhân dân huyện Ch S, tỉnh Gia Lai, đã chấp hành hình phạt nhưng chưa thi hành khoản tiền án phí của bản án, nên chưa được xóa án tích. Nay bị cáo tiếp tục phạm tội “Trộm cắp tài sản”, nên hành vi phạm tội lần này của bị cáo thuộc trường hợp “*Tái phạm*”. Đây là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, sau khi phạm tội, bị cáo đã bỏ trốn, gây khó khăn cho cơ quan pháp luật trong việc xử lý vụ án.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

*Về thu lợi bất chính:*

Bị cáo được hưởng lợi số tiền 1.125.000 đồng có được do bán 02 khung gương trong vụ trộm thứ 2, anh Võ V C không yêu cầu bồi thường, đây là tiền thu lợi bất chính, cần buộc bị cáo nộp lại để tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

Ngoài ra, bị cáo được hưởng lợi 3.666.000 đồng có được do bán 01 cục nu gồ Cẩm trộm cắp trong vụ thứ 3, nhưng anh Trần Minh Vg không yêu cầu bồi thường. Cần buộc bị cáo nộp lại số tiền này để tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

Tổng cộng bị cáo phải nộp 4.791.000 đồng để tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

*Về vật chứng, về trách nhiệm bồi thường thiệt hại dân sự, về tài sản thu được trong trình điều tra:* đã được xử lý trong Bản án số 103/2016/HSST ngày 20-7-2016, nên Hội đồng xét xử không quyết định trong bản án này.

*Về hình phạt bổ sung:* Bị cáo không có tài sản riêng, sống phụ thuộc gia đình nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

*Về án phí:* Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Th T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. *Về hình phạt:*

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; Điều 33; Điều 45; Điều 53; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt: Th T 7 (Bảy) năm 6 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 17-02-2017).

2. *Về thu lợi bất chính:* Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Buộc bị cáo Th T phải nộp lại số tiền 4.791.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm chín một nghìn đồng) để tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. *Về án phí*: Bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- CC Thi hành án dân sự TP. P;
- Bị cáo;
- Người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Ngô Thanh Quảng**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

\* Người bị hại:

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Lê Duy Th, sinh năm 1961.

Địa chỉ: số 15/169 đường Cách mạng tháng Tám, Tổ 12, phường HL, thành phố P, tỉnh GL

2. Đặng Thị V H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ 4, phường Trà Bá, thành phố P, tỉnh GL

3. Lê Đh, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ 13, phường HP, thành phố P, tỉnh GL

4. Thái H, sinh năm 1965

Địa chỉ: Tổ 16, phường HT, thành phố P, tỉnh GL

5. Đỗ Tuấn H2, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ 7, phường TN, thành phố P, tỉnh GL

6. Trần Hg, sinh năm 1966

Địa chỉ: 264 Lê Đại Hành, phường ĐĐ, thành phố P, tỉnh GL

7. Lê Thị Bn, sinh năm 1933

Địa chỉ: Tổ 8, phường PĐ, thành phố P, tỉnh GL

8. Trần Minh Vg, sinh năm 1992

Địa chỉ: Tổ 15, phường PĐ, thành phố P, tỉnh GL

9. Tạ Thị Ngọc Dung, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ 15, phường HP, thành phố P, tỉnh GL

10. Th Thị Yến, sinh năm 1978

Địa chỉ: Tổ 7, phường HT, thành phố P, tỉnh GL

11. Huỳnh Thị N D, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ 6, phường PĐ, thành phố P, tỉnh GL

12. Nguyễn Thị K H, sinh năm 1965

Địa chỉ: Tổ 16, phường HT, thành phố P, tỉnh GL

13. Bùi Thanh Th L, sinh năm 1961

Địa chỉ: Tổ 2, phường Trà Bá, thành phố P, tỉnh GL

14. Đào V T, sinh năm 1965

Địa chỉ: Tổ 14, phường YT, thành phố P, tỉnh GL

15. Hứa VT, sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ 7, phường ĐĐ, thành phố P, tỉnh GL

16. Nguyễn Thị K H, sinh năm 1965

Địa chỉ: Tổ 16, phường HT, thành phố P, tỉnh GL

17. Trần Tr Th, sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn K Bang, huyện K Bang, tỉnh GL

18. Đặng X B, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ 7, phường HL, thành phố P, tỉnh GL

19. Nay Vũ Gi, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ 16, phường HT, thành phố P, tỉnh GL

20. Thái Dg, sinh ngày 02/6/ 1997.

Địa chỉ: Tổ 16, phường HT, thành phố P, tỉnh GL

21. Lê Tr L, sinh năm 1988. Địa chỉ:

Địa chỉ: Tổ 16, phường HT, thành phố P, tỉnh GL